TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 89/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 09-3-2026
V/v "*Ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨAVIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 – ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thảo;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Văn Dũng;

2. Bà Đinh Thị Kim Phụng;

- Thư ký phiên tòa*:* Bà Nguyễn Thị Khánh Quyên – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp;

Ngày 09 tháng 3 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 419/2025/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 11 năm 2025, về việc "*Ly hôn*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 19 tháng 01 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên toà số 141/2026/QĐST-HNGĐ ngày 09 tháng 02 năm 2026 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Thanh L, sinh năm 1995;
Căn cước công dân 082195003119, cấp ngày 10/8/2021;
Địa chỉ: khu phố G, phường S, tỉnh Đồng Tháp. (Xin vắng mặt)

2/ Bị đơn: Anh Bùi Tấn T, sinh năm 1991;
Căn cước công dân 082091001966, cấp ngày 13/6/2023;
Địa chỉ: ấp T, xã T, tỉnh Đồng Tháp. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, trong quá trình tố tụng nguyên đơn Ngô Thị Thanh L trình bày:*

Chị và anh T chung sống với nhau từ năm 2021, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) vào ngày 26/3/2021. Quá trình chung sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm; chị và anh T ly thân từ giữa năm năm 2025 đến nay. Nay nhận thấy tình cảm không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Không có.

Tài sản chung nợ chung: Không yêu cầu toà án giải quyết.

** Bị đơn anh Bùi Tấn T vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án không có ý kiến hay yêu cầu gì mặc dù toà án đã triệu tập hợp lệ.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn anh Bùi Tấn T có nơi cư trú tại xã T, tỉnh Đồng Tháp nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Đồng Tháp.

[2]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Chị L xin ly hôn với anh T, căn cứ Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên quan hệ pháp luật tranh chấp là "*Ly hôn*".

[3]. Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt. Bị đơn vắng mặt không có lý do mặc dù Tòa án đã tống đạt hợp lệ. Căn cứ vào Điều 227, 228, 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự trên.

[4] Về nội dung vụ án:

[4.1] Về hôn nhân: Chị L và anh T chung sống với nhau từ năm 2021, tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện G, tỉnh Tiền Giang (nay là xã T, tỉnh Đồng Tháp) cấp giấy chứng nhận kết hôn số 32/2021 vào ngày 26/3/2021 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Chị L cho rằng trong thời gian chung sống thì phát sinh mâu thuẫn do hai bên không có tiếng nói chung, bất đồng quan điểm; chị và anh T ly thân từ khoảng giữa năm 2025 đến nay, trong thời gian ly thân anh chị cũng không hàn gắn được, nay tình cảm không còn chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Trong quá trình giải quyết, anh T đã được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án nhưng anh T không có ý kiến gì và vắng mặt trong các buổi hòa giải cho thấy anh T không còn tha thiết hàn gắn cuộc hôn nhân này.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn giữa chị L và anh T đã thật sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, chị L và anh T đã có thời gian ly thân với nhau nhưng anh chị đến nay vẫn không thể hàn gắn được. Do đó, yêu cầu ly hôn của chị L là có cơ sở để chấp nhận. Căn cứ vào Điều 56 luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L với anh T.

[4.2] Về con chung: Khai không có nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[5]. Về án phí: Chị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Anh T không phải chịu án phí.

[6]. Về quyền kháng cáo của đương sự: Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, 228, Điều 238, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 2 Điều 1 Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hoà giải đối thoại tại toà án;

- Các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP Ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao Hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc hôn nhân và gia đình;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Ngô Thị Thanh L.

1. Về hôn nhân: Chị Ngô Thị Thanh L được ly hôn với anh Bùi Tấn T.

2. Về án phí: Chị Ngô Thị Thanh L phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai thu số 0007268 ngày 07 tháng 11 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp. Như vậy, chị L đã nộp đủ án phí. Anh T không phải nộp án phí.

3. Về quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, đương sự có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử phúc thẩm. Trường hợp đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND KV2-ĐT;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- UBND xã Tân Đông- ĐT;
- Lưu án văn, hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Thu Thảo